

Số : 125 /TB-TCHC

Khánh Hòa ; ngày 09 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**

I. Thông tin chung :

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4200444916
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 37.041.000.000 đồng
- Địa chỉ: 84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại: (058) 3523 863
- Số fax: (058) 3523 863
- Website: www.urenconhatrang.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của công ty gồm 02 công ty hoạt động độc lập là Công ty Dịch vụ Công cộng thành phố Nha Trang và công ty công viên Cây xanh Khánh Hòa.

- Ngày 08/03/2001 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 746A/2001/QĐ-UB hợp nhất Công ty Công viên Cây xanh Khánh Hòa và Công ty Dịch vụ Công cộng Thành phố Nha Trang thành Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang.

- Ngày 29/06/2010 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1695/QĐ-UBND chuyển đổi Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang. Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010.

- Ngày 17/07/2012 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1721/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang.

- Công ty Cổ phần môi trường đô thị Nha Trang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 do sở Kế Hoạch và đầu tư



tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010, đăng kí thay đổi lần thứ 1 ngày 31/12/2014.

- Hiện nay để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh Công ty đã đăng ký bổ sung thêm một số ngành nghề và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do sở Kế Hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/01/2017.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành
01	Thu gom rác thải không độc hại
02	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng.
03	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
04	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây
05	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh
06	Trồng cây hàng năm khác
07	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
08	Xây dựng công trình công ích
09	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
10	Lắp đặt hệ thống điện
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
12	Thoát nước và xử lý nước thải
13	Thu gom rác thải độc hại
14	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
15	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
16	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
17	Phá dỡ
18	Chuẩn bị mặt bằng

19	Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp
20	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
21	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh
22	Vận tải hành khách đường bộ khác . Chi tiết : Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu
23	- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)

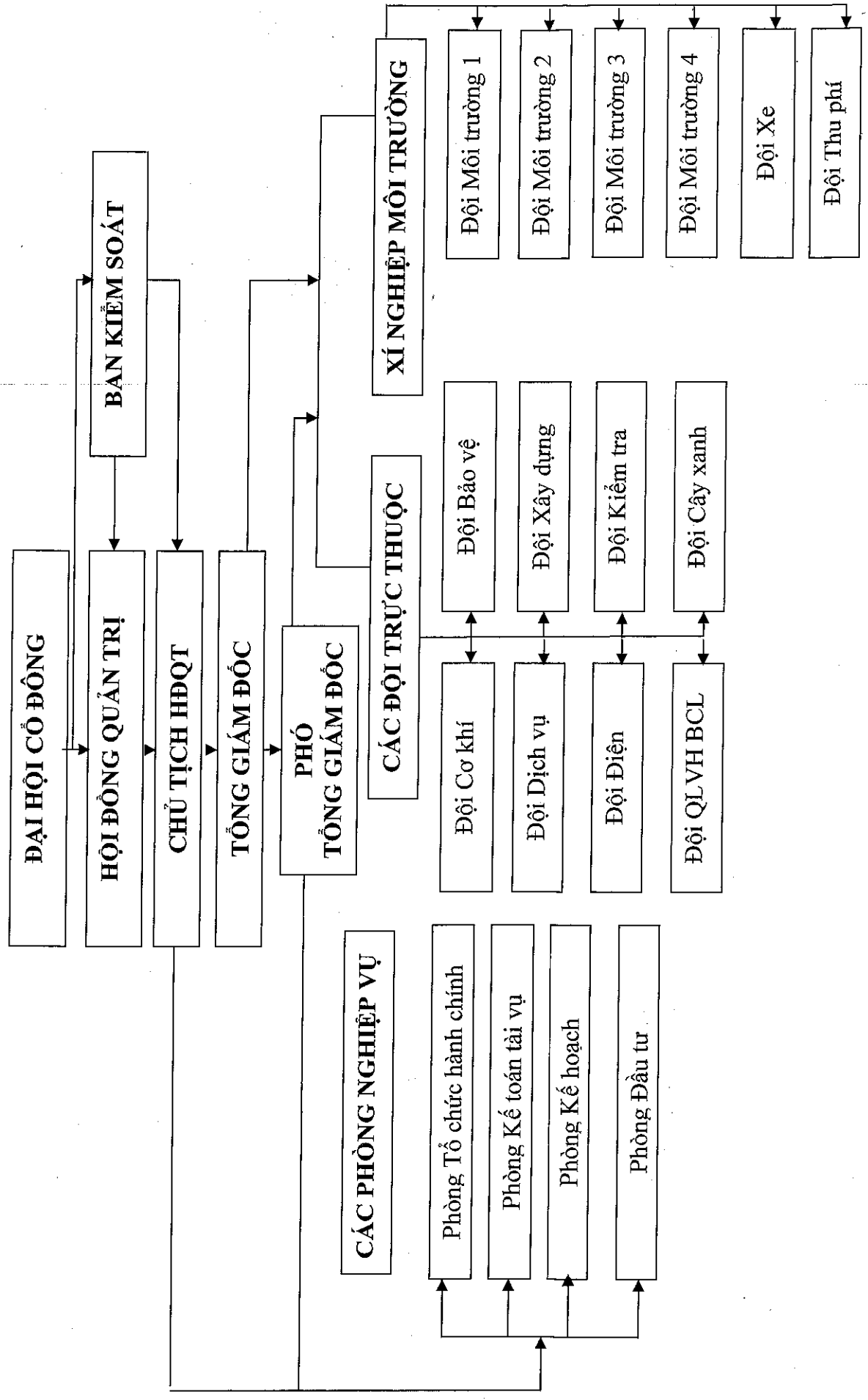
Địa bàn kinh doanh : Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị :

11/2010 5/10/11

MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHÀ TRANG



4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Khai thác và sử dụng hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư thêm trang bị thêm cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu SXKD đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh, phát huy lợi thế đã có như lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường và xử lý rác thải.

Bảo đảm tốt lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

* Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện công tác quản lý, điều hành từng công việc sản xuất.

- Phân bổ hợp lý con người, phương tiện và công cụ dụng cụ sản xuất.

* Công tác Dự án đầu tư:

Bám sát Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua các dự án đầu tư nhằm tiếp tục nâng cao năng lực về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đầu thầu:

- Đang thực hiện mua 02 xe ép rác chuyên dùng 14 m³ (7 tấn) giá trị 3,71 tỷ đồng. Nguyên do : hiện nay tổng số lượng xe của công ty đang quản lý và điều hành là 22 xe ô tô ép chở rác, các xe hiện tại đã sử dụng lâu năm, đời xe thấp nhất sản xuất năm 1997 . Các xe hoạt động trong ca công tác thường xuyên bị hư hỏng do xe hoạt động liên tục đã cũ, phải sửa chữa thường xuyên, trong ngày để kịp thời phục vụ công tác. Dẫn đến tình trạng chi phí sửa chữa tăng cao, mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã ban hành rất nhiều văn bản chỉ đạo quản lý để nhằm hạn chế tối đa tình trạng hư hỏng. Khi các xe bị hư hỏng vào sửa chữa thì thời gian trung tu (25 ngày) và đại tu (45 ngày) dẫn đến tình trạng không đủ xe phục vụ công tác hàng ngày.

Lượng rác thải cần vận chuyển ra khỏi thành phố ngày càng tăng, trong các năm trước chỉ dao động từ 280 tấn đến 320 tấn. Hiện nay lượng rác tăng cao giao động từ 450 tấn đến 480 tấn, riêng các ngày lễ, tết lượng rác tăng lên gấp 2-3 lần.

Hàng ngày thời giờ làm việc của người lao động lái xe phải thực hiện công việc từ 12 giờ đến 15 giờ/ca công tác.

* Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát các nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty.

- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn.

**Công tác Nhân sự – Tiền lương:*

- rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc công ty.

- Bám sát Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã thành lập Xí nghiệp Môi trường để phân công, phân cấp quản lý với ngành nghề :

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Thu gom rác thải không độc hại	3811
02	Thu gom rác thải độc hại	3812
03	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
04	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
05	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
06	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
07	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	49331

- Người đứng đầu Xí nghiệp Môi trường: ông TRẦN VĂN HƯƠNG

- Phối hợp các Phòng chức năng của Công ty tổ chức các Hội nghị thường niên của Công ty như: Đại hội cổ đông, Hội nghị người lao động, ...

**Công tác khác:*

- Phát huy và đẩy mạnh các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện chính sách tiết kiệm, động viên cá nhân tập thể tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng “Đoàn kết, sáng tạo và phát triển”, đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT năm 2017.

- Công tác Kiểm tra an toàn, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ.

5. Các rủi ro:

- Giá dịch vụ đầu vào của công ty không tăng mà còn có xu hướng giảm do đấu thầu dịch vụ công ích đô thị, chi phí của công ty lại tăng do các chế độ

cho người lao động đều tăng: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp tăng do đóng trên thu nhập, Tiền lương trả cho người lao động tăng theo lương tối thiểu vùng. Các Tổ thu gom rác tự quản sẽ phát sinh thêm.

- Không có chế tài đối với những trường hợp không đóng phí vệ sinh, mức phí tăng hàng năm nên rất khó thu.

- Trình độ tay nghề của lực lượng lao động tuy đã từng bước được nâng cao và hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017:

Bám sát các mục tiêu trọng đã được Đại hội cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Với những thuận lợi trong nhiều năm tổ chức và hình thành Công ty như :

- Thành phố Nha Trang là Trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh Khánh Hòa, là điểm du lịch lớn của cả nước với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Vì vậy dịch vụ công ích đô thị được UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND thành phố Nha Trang quan tâm ưu ái đặt hàng cho công ty.

- Công ty được hình thành từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang nên đã có thương hiệu, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, có đội ngũ công nhân lành nghề.

- Phương tiện vận tải toàn bộ là xe chuyên dùng như : xe ép rác, xe bồn tưới cây, xe sùn cát biển, xe hút bụi ...

- Sự đoàn kết, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao của ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

* Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2017	TH 2017	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	157	171,2	109,04
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	148,5	162,2	109,23
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,5	8,91	104,82
4	Cổ tức	%	7,71	7,94	103,11

2. Tổ chức nhân sự :

- Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân tại ngày 31/12/2017		Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước tại ngày 31/12/2017	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ

I	Hội đồng Quản trị					
1	Nguyễn Thành Tây	Chủ tịch	3.900	0,065	1.000.000	16,6667
2	Hồ Ngọc Ân	Thành viên			2.000.000	33,3333
3	Nguyễn Hùng Thanh	Thành viên Kế toán trưởng	1.600	0,0267	400.000	6,6667
4	Ngô Văn Đùng	Thành viên	3.100	0,0517	304.100	5,0683
5	Bùi Văn Khánh	Thành viên	1.400	0,0233		
6	Võ Tường Trọng	Thành viên	1.511.300	25,1883		
7	Phan Ngọc Thanh	Thành viên				
II	Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	1.900	0,0317		
2	Lương Hải Thiện	Thành viên	3.900	0,0650		
3	Nguyễn Hùng	Thành viên				

- Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành :

Họ và tên : **Nguyễn Thành Tây**

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: 13 tháng 6 năm 1962 Giới tính: Nam

Quê quán: Tổ 15 Vĩnh Diêm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 15 Vĩnh Diêm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: Tổ 15 Vĩnh Diêm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân: 220092654

Ngày cấp: 22/01/2008 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Kỹ sư nông nghiệp

Lý luận chính trị: Cao cấp Chính trị

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
1990 -1994	Công tác tại Hợp tác xã Nông nghiệp Kinh doanh Tổng hợp Vĩnh Hiệp với các chức vụ cán bộ kỹ thuật, phó chủ nhiệm, Trưởng ban kiểm soát, Phó bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản HCM Xã Vĩnh Hiệp
1995 đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ chuyên viên Phòng Kế hoạch, Đội trưởng Đội quản lý công viên cây xanh; Trưởng phòng kế

	hoạch; Trưởng phòng Tổ chức hành chính; Phó Bí thư chi bộ; Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám Đốc; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở. Ủy viên Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Thành phố Nha Trang
--	---

Họ và tên : **Hồ Ngọc Ân**

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng Quản trị; Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: 29 tháng 5 năm 1963 Giới tính: Nam

Quê quán: Phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký thường trú: 01^A đường Đồng Nai, tp Nha Trang, t.Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 01^A đường Đồng Nai, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh
Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 220043025

Ngày cấp: 20/8/2015 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân luật

Lý luận chính trị: Cử nhân Chính trị

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
- 26/3/1981- 23/6/1981	Đi nghĩa vụ quân sự tại Đơn vị A7, C3, D7, E93 QK5 Đăk Lăk.
- 23/6/1981- 06/9/1983	Chuyển công tác về Đơn vị E719, F333, QK5 Đăk Lăk. Xuất ngũ ngày 06/9/1983, cấp bậc: Trung sĩ, chức vụ: Tiểu Đội trưởng Vệ binh.
- 10/1983 - 09/1989	Được tuyển dụng về công tác tại cơ quan Thanh tra thành phố Nha Trang (làm cán bộ).
- 10/1989 - 02/2004	Công tác tại Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Nha Trang, chức vụ: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.
- 03/2004 – 05/2009	Luân chuyển về công tác tại UBND phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND phường Ngọc Hiệp.
- 06/2009 – 12/2014	Về công tác tại Phòng Nội vụ thành phố Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Bí thư Chi Bộ - Trưởng Phòng Nội vụ thành phố Nha Trang.
- 01/01/2015 - nay	Về công tác tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang.

Họ và tên : **Nguyễn Hùng Thanh**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 04 năm 1972 Giới tính: Nam

Quê quán : Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 43/6 Quang Trung, Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225104717

Ngày cấp: 19/01/2015 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kinh tế , Thạc sỹ Kinh Tế

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2004 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng Kế toán tài vụ, Kế toán trưởng

Họ và tên : **Ngô Văn Đùng**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: ngày 22 tháng 5 năm 1965 Giới tính : Nam

Quê quán : Phú Ân Nam 4, Diên An, Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Phú Ân Nam 4, Diên An, Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225028957

Ngày cấp: 01/10/2008, Nơi cấp: Công An Khánh Hòa

Trình độ văn hóa : 12/12

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
1983 đến 2001	Công tác tại Công ty dịch vụ công cộng Nha Trang với công việc Nhân viên bảo vệ
2005 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Đội phó, Phụ trách đội vệ sinh công cộng, Quyền Đội trưởng MT 1, Quyền Đội trưởng MT3, Đội Phó Đội Môi trường 4, thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : **Bùi Văn Khánh**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Đội Trưởng đội Quản lý Vận hành BCL Lương Hòa.

Ngày, tháng, năm sinh: ngày 02 tháng 03 năm 1982 Giới tính : Nam

Quê quán : Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 21 Cao Văn Bé, phường Vĩnh Phước thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225205829

Ngày cấp: 02/07/2014, Nơi cấp:Công An Khánh Hòa

Trình độ văn hóa : 12/12

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2006 đến 4/2012	Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Công nghệ Sinh học và Môi trường Đại học Nha Trang
5/2012 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ: chuyên viên phòng kế hoạch, Đội phó, Đội Trưởng đội Quản lý Vận hành BCL Lương Hòa, thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : **Nguyễn Thành Phú**

Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm soát

Ngày, tháng, năm sinh: 10 tháng 8 năm 1980 Giới tính: Nam

Quê quán: Thôn Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: Thôn Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225160619

Ngày cấp: 16/4/2013 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Tài chính ngân hàng

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2006 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ, Kiểm soát viên, Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Lương Hải Thiện**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 10 năm 1986 Giới tính: Nam

Quê quán : 48 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 48 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân: 225299664

Ngày cấp: 08/7/2009

Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kế toán kiểm toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2009 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ, Phó trưởng Phòng kế hoạch, thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng số CBCNV – người lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2017 là : 926 người

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

Với yêu cầu tăng cường năng lực đột phá về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu. Ban Tổng Giám đốc Công ty căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất và Điều lệ tổ chức hoạt động trong năm 2017 tiến hành đầu tư, mua sắm hình thành tài sản cố định như sau:

- Xe ép rác chuyên dụng (02 chiếc): 3.710.000.000 đồng
- Xe chở rác chuyên dụng 500kg (02 chiếc) :650.000.000 đồng
- Xe tải 500kg của Đội Cây xanh (01 chiếc) : 273.000.000 đồng

4. Tình hình tài chính :

a. Kết quả về hoạt động tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản:	117.571.618.736
Tài sản ngắn hạn:	75.500.403.214
- Tiền và các khoản tương đương tiền	44.121.483.018

- Các khoản phải thu ngắn hạn	23.218.709.122
- Hàng tồn kho	7.363.232.523
- Tài sản ngắn hạn khác	796.978.551
Tài sản dài hạn:	42.071.215.522
- Tài sản cố định	39.477.378.412
- Tài sản dở dang dài hạn	19.081.818
- Tài sản dài hạn khác	2.574.755.292
Doanh thu thuần:	170.267.544.884
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.	9.103.285.823
Lợi nhuận khác	(183.304.105)
Lợi nhuận trước thuế	8.919.981.718
Lợi nhuận sau thuế	7.013.999.108

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	1,77
+ Hệ số thanh toán nhanh TS ngắn hạn – hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,41
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,71
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân	33,49
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	0,04
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06
+Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 6.000.000 cổ phần

Trong đó :

- Cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.910.900 cổ phần

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 89.100 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa	3.704.100	61,74
2	Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Du lịch Tường Nhân	1.511.300	25,19
3	Người lao động trong công ty và cá nhân ngoài	784.600	13,07
Cộng		6.000.000	100,00

6. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động : 926 người

Mức lương trung bình đối với người lao động : 7.000.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

Công ty tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, CPCĐ cho người lao động đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động

c. Hoạt động đào tạo người lao động :

Trong năm 2018 Công ty tiếp tục tổ chức cho người lao động tham gia học tập An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và lớp đào tạo trồng hoa, chăm sóc cây xanh .

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Năm 2017, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang với sự nỗ lực của CBCNV toàn công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của ban Tổng giám đốc, công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh như trên là một thành công lớn.

- Doanh thu: 171,1 tỷ tăng 14,13 tỷ đồng, tỷ lệ 109,0%

- Chi phí: 162,2 tỷ tăng 13,7 tỷ đồng , tỷ lệ 109,23%

Tốc độ tăng doanh thu (109,0%) thấp hơn tốc độ tăng chi phí (109,23%), trong năm có một số công tác như đơn giá xử lý nước rỉ rác của Trạm xử lý nước rỉ rác của Công ty thấp dẫn đến công ty phải bù lỗ trong năm.

2. Tình hình tài chính :

a. Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2017:

Tổng cộng tài sản:	117.571.618.736 đồng
+ Tài sản ngắn hạn:	75.500.403.214 đồng
+ Tài sản dài hạn:	42.071.215.522 đồng

Tổng cộng nguồn vốn:	117.571.618.736 đồng
+ Nợ phải trả:	48.632.401.257 đồng
+ Nguồn vốn chủ sở hữu:	68.939.217.479 đồng
b. Kết quả sản xuất kinh doanh:	
+ Tổng doanh thu và thu nhập:	171.130.405.720 đồng
+ Giá vốn và chi phí phân bổ:	162.210.424.002 đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	8.919.981.718 đồng
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.905.982.610 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế:	7.013.999.108 đồng
c. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính năm 2017:	

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016
1	Hệ số bảo toàn vốn (Vốn CSH kỳ này/ Vốn CSH kỳ trước)	1,01
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/nợ ngắn hạn)	1,77
	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/nợ ngắn hạn)	1,59
3	Chỉ tiêu về cơ cấu Vốn – Tài sản	
	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,41
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,71
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,06
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	0,11

Căn cứ số liệu trên báo cáo tài chính cho thấy:

- Hệ số bảo toàn vốn: Vốn chủ sở hữu kỳ này tăng 1,01 lần so với kỳ trước như vậy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

- Khả năng thanh toán: Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,77 lần, khả năng thanh toán nhanh đạt 1,59 lần có thể đảm bảo thanh toán được các khoản nợ đến hạn.

- Chỉ tiêu về cơ cấu Vốn – tài sản: Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu hiện có lớn hơn nợ phải trả thể hiện công ty đảm bảo được nguồn vốn chi trả, đảm bảo được sự độc lập về tài chính.

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Bình quân 1 đồng doanh thu tạo ra 0,04 đồng lợi nhuận, chỉ tiêu (ROA): bình quân cứ 1 đồng tài sản được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra được 0,06 đồng lợi nhuận; chỉ tiêu (ROE): bình quân cứ 01 đồng vốn đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra 0,11 đồng lợi nhuận.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Xuất phát từ tình hình thực tế và sự cấp bách, cần sự quyết đoán trong công việc của Công ty, Hội đồng quản trị công ty đã đề ra một số giải pháp thay đổi về công tác tổ chức, quản trị như sau:

Ban hành sửa đổi, bổ sung các Nội quy, quy chế gồm :

- Nội Quy Lao động
- Thỏa ước Lao động tập thể
- Quy chế trả lương
- Quy chế Khen thưởng
- Quy chế Nâng bậc lương
- Quy chế Tổ chức tiếp công dân
- Quy chế Chi tiêu Nội bộ
- Quy chế thực hiện dân chủ.
- Quy chế tổ chức, hoạt động thu phí vệ sinh công cộng

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2018 là năm khó khăn, doanh thu của công ty không tăng mà còn có xu hướng giảm do đấu thầu dịch vụ công ích đô thị, chi phí của công ty lại tăng do các chế độ của người lao động thực hiện hiện theo quy định của nhà nước. Mục tiêu doanh thu 180 tỷ và lợi nhuận trước thuế 9,032 tỷ của kế hoạch năm 2018 là một thách thức vô cùng to lớn cho Ban lãnh đạo và CBCNV toàn công ty. Và các chế độ cho người lao động đều tăng: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp tăng do đóng trên thu nhập, Tiền lương trả cho người lao động tăng theo lương tối thiểu vùng. Các Tổ thu gom rác tự quản sẽ phát sinh thêm.

Tuy nhiên với những lợi thế, thuận lợi, năng lực đã có như lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường chất lượng ngày càng cao, yên tâm trong công tác đấu thầu. Nguồn nhân lực có kinh nghiệm, chế độ đãi ngộ tốt, môi trường làm việc thuận lợi, thân thiện và ổn định lâu dài.

Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 :

* Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện công tác quản lý, điều hành từng công việc sản xuất.

- Phân bổ hợp lý con người, phương tiện và công cụ dụng cụ sản xuất.

* Công tác Dự án đầu tư:

Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu, Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ trình thông qua Hội đồng quản trị các dự án đầu tư trong thẩm quyền

* Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát các nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty.

- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn.

* Công tác Nhân sự – Tiền lương:

- rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc công ty.

- Thành lập các Xí nghiệp để phân công, phân cấp quản lý.

- Phối hợp các Phòng chức năng của Công ty tổ chức các Hội nghị thường niên của Công ty như: Đại hội cổ đông, Hội nghị người lao động, ...

* Công tác khác:

- Phát huy và đẩy mạnh các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện chính sách tiết kiệm, động viên cá nhân tập thể tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng “Đoàn kết, sáng tạo và phát triển”, đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT năm 2017.

- Công tác Kiểm tra an toàn, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

Năm 2017, bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất thông qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Với những thuận lợi trong nhiều năm tổ chức và hình thành Công ty như :

- Thành phố Nha Trang là Trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh Khánh Hòa, là điểm du lịch lớn của cả nước với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Vì vậy dịch vụ công ích đô thị được UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND thành phố Nha Trang quan tâm ưu ái đặt hàng cho công ty.

- Công ty được hình thành từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang nên đã có thương hiệu, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, có đội ngũ công nhân lành nghề.

- Phương tiện toàn bộ là xe chuyên dùng như : xe ép rác, xe bồn tưới cây, xe sà cát biển, xe hút bụi, xe đầm rác ...

- Sự đoàn kết, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao của ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó còn có một số khó khăn:

- Không có chế tài đối với những trường hợp không đóng phí vệ sinh, mức phí tăng hàng năm nên rất khó thu.

- Trình độ tay nghề của lực lượng lao động tuy đã từng bước được nâng cao và hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của công việc.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:*

Trong năm 2017 khó khăn và thách thức không thể tránh khỏi, với nỗ lực của CBCNV toàn công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của ban Tổng giám đốc, công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh như trên là một thành công lớn.

- Doanh thu: 171,1 tỷ tăng 14,13 tỷ đồng, tỷ lệ 109,0%

- Chi phí: 162,2 tỷ tăng 13,7 tỷ đồng, tỷ lệ 109,23%

Tốc độ tăng doanh thu (109,0%) thấp hơn tốc độ tăng chi phí (109,23%), trong năm có một số công tác như đơn giá xử lý nước rỉ rác của Trạm xử lý nước rỉ rác của Công ty thấp dẫn đến công ty phải bù lỗ trong năm.

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân tại ngày 31/12/2017		Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước tại ngày 31/12/2017	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
I	Hội đồng Quản trị					
1	Nguyễn Thành Tây	Chủ tịch	3.900	0,050	1.000.000	16,6667
2	Hồ Ngọc Ân	Thành viên Tổng Giám đốc			2.000.000	33,3333
3	Nguyễn Hùng Thanh	Thành viên Kế toán trưởng	1.600	0,0267	400.000	6,6667
4	Ngô Văn Đùng	Thành viên	3.100	0,0517	304.100	5,0683
5	Bùi Văn Khánh	Thành viên	1.400	0,0233		
6	Võ Tường Trọng	Thành viên	1.511.300	25,1883		
7	Phan Ngọc Thanh	Thành viên				

b. Các hoạt động của Hội đồng quản trị :

Nét nổi bật về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, năng động

- Chăm lo, phê duyệt điều chỉnh lương và thu nhập cho Ban Tổng Giám đốc và người lao động, tạo nên sự an tâm công tác gắn bó với Công ty

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty.

Năm 2017 Hội đồng quản trị công ty đã họp và thông qua các nội dung:

- Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và phương hướng, mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 của Tổng Giám Đốc Công ty

- Thông qua mua sắm 02 xe ép rác chuyên dụng, nhãn hiệu HINO 14,5 m³ (7 tấn) phục vụ công tác vận chuyển rác thải

- Thông qua mua sắm 01 xe ép tải nhỏ 500kg phục vụ công tác vận chuyển cây xanh.

- Thông qua tiền lương năng suất của người quản lý công ty năm 2016 và 02 tháng lương

+ Ông : Hồ Ngọc Ân, Tổng Giám Đốc : 58.840.000 đồng

+ Ông : Nguyễn Thành Tây, Phó Tổng Giám Đốc: 50.000.000 đồng

+ Ông : Nguyễn Hùng Thanh, Kế Toán Trưởng : 46.240.000 đồng

- Thông qua tiền lương của người quản lý công ty năm 2017

+ Ông : Hồ Ngọc Ân, Tổng Giám Đốc : 30.000.000 đồng/tháng

+ Ông : Nguyễn Thành Tây, Phó Tổng Giám Đốc: 25.000.000 đồng/tháng

+ Ông : Nguyễn Hùng Thanh, Kế Toán Trưởng : 23.000.000 đồng/tháng

- Quyết định giá chào sàn của cổ phiếu NUE tại phiên dao dịch đầu tiên trên thị trường chứng khoán là 10.500 đồng/cổ phần.

- Giao Phòng Kế toán tài vụ xây dựng lại phương án khấu hao, chi phí của công tác đầu tư 02 lò hòa táng báo cáo Hội đồng Quản trị và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đối với công tác doanh thu mai táng, hỏa táng, xây mộ (tự quản) cần tách riêng ra từng doanh thu, chi phí của từng hạn mục để Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo thực hiện.

- Giao Phòng Kế hoạch trình phương án, đề xuất cụ thể về vấn đề xử lý lỗ trong công tác xử lý nước rỉ rác Lương Hòa trong năm 2017 để Hội đồng hợp đề xuất trong kỳ họp tiếp theo.

- Thông qua các Nội quy, quy chế sửa đổi, bổ sung đã được góp ý bổ sung tại Đại hội người lao động của Công ty bao gồm :

+ Sửa đổi, bổ sung Nội quy lao động Công ty

+ Sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể

+ Sửa đổi, bổ sung Quy chế Trả lương và chấm điểm năng suất, chất lượng hiệu quả công việc

+ Sửa đổi, bổ sung Quy chế khen thưởng

- Thông qua chương trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang gồm :

- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang và phương hướng phát triển kinh doanh năm 2017

- Báo cáo hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016

- Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty

- Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức năm 2016

- Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017

- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Bảng tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung

- Tờ trình Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung số lượng thành viên Hội đồng quản trị ; Điều lệ Công ty

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017:

Giao Ban Kiểm soát tư vấn đề xuất đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017 trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định lựa chọn 01 trong 03 đơn vị kiểm toán sau:

. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C, Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh. Chi nhánh tại Nha Trang số 18 Trần Khánh Dư, Phường Phước Tân, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

. Công ty TNHH Kiểm Toán FAC, Số 39/3L Phạm Văn Chiêu, Phường 8, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh tại Nha Trang số 27 đường B1, Khu Đô thị Vĩnh Diêm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

. Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Đầu tư Tài chính Châu Á, Phòng 516, CT1A, DN1, Khu đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội. Chi nhánh tại Nha Trang: 387/6 Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Nha Trang

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017 trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm Soát gồm đơn vị sau:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C, Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh. Chi nhánh tại Nha Trang số 18 Trần Khánh Dư, Phường Phước Tân, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

- Thông qua sửa đổi tỷ lệ chia cổ tức năm 2016 với tỷ lệ chia cổ tức là 8,61% của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Phương án cũ	Phương án điều chỉnh	Chênh lệch
1	Lợi nhuận trước thuế	9.663.860.571	9.663.860.571	0
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.061.179.583	2.061.179.583	0
3	Lợi nhuận sau thuế (3= 1-2)	7.602.680.988	7.602.680.988	0
4	Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (2% lợi nhuận sau thuế)	152.054.000	152.054.000	0
5	Phân chia lợi nhuận :			
	Quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế)	1.140.402.000	1.140.402.000	0
	Quỹ khen thưởng (10% lợi nhuận sau thuế)	760.268.000	760.268.000	0
	Quỹ phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	380.134.000	380.134.000	0
	Lợi nhuận còn lại	5.169.822.988	5.169.822.988	0
6	Cổ tức chi trả năm 2016	5.169.000.000	5.166.000.000	-3.000.000
7	Cổ tức/cổ phần	861,5	861	-0,5
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	822.988	3.822.988	+3.000.000
9	Liên quan đến cổ đông nhà nước			
	Tỷ lệ cổ phần nhà nước đang nắm giữ (3.704.100/6.000.000)	61.74%	61.74%	
	Cổ tức được chi cho cổ đông nhà nước	3.191.082.150	3.189.230.100	-1.852.050

- Thông qua chọn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-chi nhánh Nha Trang để thực hiện phát hành bảo lãnh các hợp đồng.

- Thông qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh các tháng đầu năm của Ban Tổng Giám đốc công ty tại Báo cáo số 295/BC-TCHC ngày 21/6/2017.

- Thông qua phương pháp trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (2% lợi nhuận sau thuế) là chia đều cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm sát.

- Quyết định thành lập Xí nghiệp Môi trường trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang.

+Địa chỉ : 180 Ngô Gia Tự, Phường Phước Tiến, thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

+ Ngành nghề đăng ký kinh doanh :

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Thu gom rác thải không độc hại	3811
02	Thu gom rác thải độc hại	3812
03	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
04	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
05	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
06	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
07	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	49331

- Người đứng đầu Xí nghiệp : ông TRẦN VĂN HƯƠNG Giới tính:Nam

Sinh ngày: 11/01/1970 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số: 225115261

Ngày cấp: 27/8/2003 Nơi cấp: Công an Tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Tổ 13 - Hà Phước

Xã/Phường/Thị trấn: Phường Vĩnh Phước

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Thành phố Nha Trang

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Khánh Hòa

- Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp Môi trường trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự với tư cách quan sát viên.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2017	
			Số lượng	Tỉ lệ
II	Ban Kiểm soát			
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	1.900	0,0317
2	Lương Hải Thiện	Thành viên	3.900	0,065

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2017, Ban kiểm soát được mời và Ban đã bố trí thời gian tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Đại diện Ban đã nghe và tham gia đóng góp nhiều ý kiến trong các cuộc họp để định hướng cho Công ty vừa đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vừa thực hiện đúng Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần. Ngoài ra, Ban cũng đã trao đổi, thảo luận giữa các thành viên trong Ban để thống nhất ý kiến bằng hình thức họp hoặc điện thoại.

- Về công tác thẩm tra báo cáo tài chính: Qua thẩm tra báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017, Ban kiểm soát nhận thấy:

+ Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan, đảm bảo quản lý vốn an toàn, hợp lý, thực hiện đầy đủ các khoản thu chi minh bạch, rõ ràng. Ban không phát hiện trường hợp nào bất thường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc ban hành đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và có nội dung phù hợp với chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Công tác quản lý tài chính: Báo cáo tài chính đúng biểu mẫu, việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đầy đủ, trung thực, kịp thời đúng quy định Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo quyết toán năm 2017 đã được kiểm toán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát :

a. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2017 :

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2017 (đồng)
1	Nguyễn Thành Tây	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	56.000.000

2	Hồ Ngọc Ân	Thành viên HĐQT	4.000000	52.000.000
3	Phan Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
4	Ngô Văn Dũng	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
5	Võ Tường Trọng	Thành viên HĐQT	4.000000	32.000.000
6	Nguyễn Hùng Thanh	Thành viên HĐQT	4.000000	32.000.000
7	Bùi Văn Khánh	Thành viên HĐQT	4.000000	32.000.000
	Tổng cộng			300.000.000

b. Báo cáo thù lao Ban Kiểm soát năm 2017:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2017 (đồng)
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng BKS	4.000.000	48.000.000
2	Lương Hải Thiện	Thành viên BKS	3.000000	36.000.000
3	Nguyễn Hùng	Thành viên BKS	3.000000	36.000.000
	Tổng cộng			120.000.000

c. Báo cáo thù lao Thư ký Công ty năm 2017:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2017 (đồng)
1	Bùi Thế Tân	Thư ký công ty	2.000.000	24.000.000
	Tổng cộng			24.000.000

d. Báo cáo mức lương của Tổng Giám đốc năm 2017:

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương / tháng (đồng)	Tiền lương năm 2017 (đồng)
1	Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	35.961.500	431.538.000
	Tổng cộng			431.538.000

VI. Báo cáo tài chính :

1. Ý kiến kiểm toán :



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: /201/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục

kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 24 tháng 3 năm 2017.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH NHA TRANG

Họ và tên - Phó Giám đốc Họ và tên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: Số Giấy CNDKHN kiểm toán:

Nha Trang, ngày tháng năm

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Nha Trang theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 26 tháng 5 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 ngày 6 tháng 5 năm 2016 về việc thay đổi trụ sở chính của Công ty.
- Giấy xác nhận số 1646/17 ngày 16/01/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (cụ thể bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.
- Giấy xác nhận số 34565/17 ngày 27/09/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (cụ thể bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh).

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (0258) 3523 863
- Fax : (0258) 3523 863

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn nông , lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tra, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn hoa và cây;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Tây	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Ngô Văn Đùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Ngọc Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Bùi Văn Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Võ Tường Trọng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Lương Hải Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Ngọc Ân – Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Hồ Ngọc Ân

Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính:
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.500.403.214	81.948.434.264
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.121.483.018	48.160.908.503
1. Tiền	111		25.121.483.018	48.160.908.503
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.218.709.122	31.474.197.194
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	22.734.668.260	29.693.776.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	288.516.200	150.123.200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	341.782.662	1.630.297.994
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(146.258.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		7.363.232.523	1.688.458.749
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7.363.232.523	1.688.458.749
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		796.978.551	624.869.818
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	17.933.906	89.681.728

2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	779.044.645	535.188.090
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.071.215.522	43.016.374.236
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		39.477.378.412	41.334.021.105
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39.477.378.412	41.334.021.105
-	<i>Nguyên giá</i>	222		99.803.211.767	91.820.876.719
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(60.325.833.355)	(50.486.855.614)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
-	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-

-	Nguyên giá	231	-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	19.081.818	19.081.818
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	19.081.818
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	2.574.755.292	1.663.271.313
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.574.755.292
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	117.571.618.736	124.964.808.500

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		48.632.401.257	56.342.031.087
I.	Nợ ngắn hạn	310		42.723.614.828	53.208.083.848
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	4.799.033.636	3.673.642.925
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.920.000.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.078.685.645	3.685.374.813

4.	Phải trả người lao động	314	V.13	24.207.007.962	33.986.035.372
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.256.013.371	2.978.339.587
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a,c	2.769.631.290	6.595.403.827
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a,c	313.394.724	313.394.724
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	-	1.961.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	379.848.200	14.892.600
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		5.908.786.429	3.133.947.239
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15b,c	3.088.233.914	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b,c	2.820.552.515	3.133.947.239
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			

				68.939.217.479	68.622.777.413
I.	Vốn chủ sở hữu	410		68.928.526.472	68.121.952.988
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	60.000.000.000	60.000.000.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>60.000.000.000</i>	<i>60.000.000.000</i>
-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	1.659.674.000	519.272.000
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	7.268.852.472	7.602.680.988
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>				
	<i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>254.853.364</i>	<i>7.602.680.988</i>
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>7.013.999.108</i>	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.691.007	500.824.425
1.	Nguồn kinh phí	431	V.20	10.691.007	500.824.425
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		<u>117.571.618.736</u>	<u>124.964.808.500</u>

Nha Trang, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người
lập

Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởng

Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính:
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	170.268.794.884	157.330.354.487
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.250.000	45.009.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		170.267.544.884	157.285.345.487
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	151.583.431.589	138.429.462.241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.684.113.295	18.855.883.246
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	520.552.025	101.470.587
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	219.193.493	240.854.293
Trong đó: chi phí lãi vay	23		219.193.493	240.854.293
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.882.186.004	8.764.812.226
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.103.285.823	9.951.687.314
11. Thu nhập khác	31	VI.8	342.308.811	338.651.505
12. Chi phí khác	32	VI.9	525.612.916	626.478.248
13. Lợi nhuận khác	40		(183.304.105)	(287.826.743)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.919.981.718	9.663.860.571

15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.905.982.610	2.061.179.583
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.013.999.108</u>	<u>7.602.680.988</u>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>970</u>	<u>1.052</u>
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>970</u>	<u>1.052</u>

Nha Trang, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởng

Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính:
VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		8.919.981.718	9.663.860.571
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	9.970.201.512	8.637.322.629
-	Các khoản dự phòng	03	V.5, 17	(1.814.742.000)	1.961.000.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.8, VI.4	(413.270.563)	(101.470.587)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.5	219.193.493	240.854.293

-	Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.881.364.160	20.401.566.906
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.865.373.517	6.885.101.489
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6 (5.674.773.774)	105.781.295
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4.736.894.051)	(8.120.301.815)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7 (839.736.157)	1.366.036.771
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5 (219.193.493)	(247.059.508)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12 (2.715.248.889)	(2.198.098.120)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18, 20 44.527.243.966	34.418.382.814
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18, 20 (45.944.877.784)	(38.436.603.730)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.143.257.495	14.174.806.102
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8 (8.220.840.281)	(3.418.165.683)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4 520.552.025	101.470.587
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.700.288.256)	(3.316.695.096)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(313.394.724)	(313.394.724)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(5.169.000.000)	(2.100.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(5.482.394.724)</u>	<u>(2.413.394.724)</u>
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.039.425.485)	8.444.716.282
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.160.908.503	39.716.192.221
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		<u>44.121.483.018</u>	<u>48.160.908.503</u>

Nha Trang, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởng

Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn hoa và cây;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Cấu trúc Công ty**

Các đơn vị trực thuộc không hình thành bộ máy kế toán

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng Đầu tư
- Phòng Kế hoạch
- Xí nghiệp Môi trường:
 - + Đội Môi trường 1
 - + Đội Môi trường 2
 - + Đội Môi trường 3
 - + Đội Môi trường 4
 - + Đội Xe
 - + Đội Thu phí
- Đội Cây xanh
- Đội Bảo vệ
- Đội Dịch vụ
- Đội Cơ khí
- Đội Kiểm tra chất lượng an toàn vệ sinh người lao động
- Đội Vận hành bãi chôn lấp Lương Hoà
- Đội Điện
- Đội Xây dựng

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 926 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 911 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. **Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

6. **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 08

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

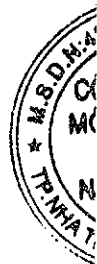
Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.



Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	250.957.238	141.912.203
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.870.525.780	48.018.996.300
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>19.000.000.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>44.121.483.018</u>	<u>48.160.908.503</u>
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng khác	22.734.668.260	29.693.776.000
Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang	21.521.410.000	27.324.873.000
Các khách hàng khác	<u>1.213.258.260</u>	<u>2.368.903.000</u>
Cộng	<u>22.734.668.260</u>	<u>29.693.776.000</u>
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán khác	288.516.200	150.123.200
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Quang Phát	200.893.000	-
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc	55.123.200	95.123.200

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	32.500.000	55.000.000
Cộng	<u>288.516.200</u>	<u>150.123.200</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>341.782.662</i>	-	<i>1.630.297.994</i>	-
Tạm ứng	318.760.000	-	921.300.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	10.188.000	-	10.188.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.834.662	-	698.809.994	-
Cộng	<u>341.782.662</u>	<u>-</u>	<u>1.630.297.994</u>	<u>-</u>

5. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các tổ chức khác</i>		<i>146.258.000</i>	-		-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 505 - Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	146.258.000	-		-	-
Cộng		<u>146.258.000</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>

Tình hình trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	146.258.000	-
Số dư cuối năm	<u>146.258.000</u>	<u>-</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.065.458.874	-	900.852.248	-
Công cụ, dụng cụ	206.026.540	-	335.163.150	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.919.816.734	-	2.700.939	-
Thành phẩm	24.770.681	-	111.307.040	-
Hàng hóa	147.159.694	-	338.435.372	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cộng	7.363.232.523	-	1.688.458.749	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.333.330	72.816.847
Chi phí bảo hiểm	16.600.576	16.864.881
Cộng	17.933.906	89.681.728

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	647.507.998	668.782.497
Chi phí công cụ dụng cụ	1.927.247.294	994.488.816
Cộng	2.574.755.292	1.663.271.313

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.746.833.494	410.079.816	69.576.963.409	87.000.000	91.820.876.719
Mua trong năm	-	237.500.000	4.341.561.817	-	4.579.061.817
Đầu tư xây dựng hoàn thành	1.022.594.727	-	-	-	1.022.594.727
Nhận bàn giao	-	-	2.619.183.737	-	2.619.183.737
Thanh lý, nhượng bán	(238.505.233)	-	-	-	(238.505.233)
Số cuối năm	22.530.922.988	647.579.816	76.537.708.963	87.000.000	99.803.211.767
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	385.791.988	-	13.979.947.973	87.000.000	14.452.739.961
Chờ thanh lý	-	-	3.668.758.289	-	3.668.758.289
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.994.491.760	63.577.125	39.358.542.725	70.244.004	50.486.855.614
Khấu hao trong kỳ	1.829.942.121	70.610.284	8.052.893.111	16.755.996	9.970.201.512
Thanh lý, nhượng bán	(131.223.771)	-	-	-	(131.223.771)
Số cuối năm	12.693.210.110	134.187.409	47.411.435.836	87.000.000	60.325.833.355
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.752.341.734	346.502.691	30.218.420.684	16.755.996	41.334.021.105
Số cuối năm	9.837.712.878	513.392.407	29.126.273.127	-	39.477.378.412
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.148.045.927 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận (*xem thuyết minh số V.16b*).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	4.579.061.817	(4.579.061.817)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	19.081.818	1.022.594.727	(1.022.594.727)	19.081.818
- Công trình cải tạo bể chứa, xây dựng bể tách váng dầu mỡ, xử lý bùn nạo vét bể phốt tại bãi chôn lấp Lương Hòa	19.081.818	-	-	19.081.818
- Công trình cầu dẫn hạ lưu cầu Bình Tân thành phố Nha Trang	-	738.010.000	(738.010.000)	-
- Công trình nhà kho MT1, nhà để xe ô tô, nhà rửa xe, nhà để xe cải tiến vườn Hòn Xên	-	284.584.727	(284.584.727)	-
Cộng	19.081.818	5.601.656.544	(5.601.656.544)	19.081.818

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.799.033.636	3.673.642.925
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hưng Phú Hải	3.697.975.000	-
Công ty TNHH Thương mại và thiết bị môi trường Hiệp Hoà	-	2.597.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.101.058.636	1.076.642.925
Cộng	4.799.033.636	3.673.642.925

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán khác	2.920.000.000	-
Khu dịch vụ hậu cần nghề cá Bắc Hòn Ông Nha Trang	2.920.000.000	-

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	2.920.000.000	-

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Thuế được hoàn</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	2.356.455.983	-	9.697.859.922	(9.495.282.811)	-	2.559.033.094	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.328.918.830	-	1.905.982.610	(2.715.248.889)	-	519.652.551	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	535.188.090	556.311.100	(1.382.679.199)	582.511.544	-	779.044.645
Tiền thuế đất	-	-	198.808.600	(198.808.600)	-	-	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	6.728.400	(6.728.400)	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.500.000	(3.500.000)	-	-	-
Cộng	3.685.374.813	535.188.090	12.369.190.632	(13.802.247.899)	582.511.544	3.078.685.645	779.044.645

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Duy trì vườn cây, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ Không chịu thuế
- Bán cây cảnh 5%
- Bán chậu cảnh, xây mộ, dịch vụ công cộng về vệ sinh 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.919.981.718	9.663.860.571
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	609.931.332	642.037.344
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	9.529.913.050	10.305.897.915
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải	-	-

nộp	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	1.905.982.610	2.061.179.583

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả từ quỹ lương từ hoạt động kinh doanh	24.207.007.962	24.253.772.305
Phải trả từ quỹ tiền lương thực hiện hợp đồng 96/2012/HĐCỨDVBS	-	9.732.263.067
Cộng	<u>24.207.007.962</u>	<u>33.986.035.372</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.256.013.371	2.978.339.587
Chi phí tiền ăn ca phải trả	1.310.350.000	663.320.000
Thuê ngoài xây mộ 02 nghĩa trang	563.679.000	636.831.456
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	<u>2.381.984.371</u>	<u>1.678.188.131</u>
Cộng	<u>4.256.013.371</u>	<u>2.978.339.587</u>

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	4.270.038.148
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Phải trả về cổ phần hóa	-	4.270.038.148
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.769.631.290	2.325.365.679
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	60.741.442
Kinh phí công đoàn	82.195.376	76.212.123

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	92.340.700	-
Ban Quản lý dự án về dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang – phải trả về bàn giao 5 xe ép rác	1.094.374.205	1.094.374.205
Lợi nhuận còn lại (xem thuyết minh V.19)	-	254.030.376
Thuế TNCN phải trả lại công nhân viên	784.270.477	582.511.544
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	364.469.328	257.495.989
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng- tiền thanh lý tài sản	351.981.204	-
Cộng	<u>2.769.631.290</u>	<u>6.595.403.827</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

Số cuối năm là số phải trả Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (bên liên quan) về nhận bàn giao tài sản.

15c. Nợ phải trả quá hạn

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận (xem thuyết minh V.16b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	313.394.724	313.394.724
Số tiền vay đã trả	(313.394.724)	(313.394.724)
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	313.394.724	313.394.724
Số cuối năm	<u>313.394.724</u>	<u>313.394.724</u>

16b. Vay dài hạn

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính và Công ty ký ngày 10/10/2011 để đầu tư cho dự án "Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang", thời hạn vay 20 năm, lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	313.394.724	313.394.724
Trên 1 năm đến 5 năm	1.253.578.896	1.253.578.896
Trên 5 năm	1.566.973.619	1.880.368.343
Cộng	<u>3.133.947.239</u>	<u>3.447.341.963</u>

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Quỹ tiền lương dự phòng.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Ngân sách thưởng</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	161.381.000	760.268.000	568.680.000	(1.151.025.000)	339.304.000
Quỹ phúc lợi	(146.488.400)	380.134.000	-	(183.101.400)	50.544.200
Quỹ thưởng Ban điều hành	-	152.054.000	-	(162.054.000)	(10.000.000)
Cộng	<u>14.892.600</u>	<u>1.292.456.000</u>	<u>568.680.000</u>	<u>(1.496.180.400)</u>	<u>379.848.200</u>

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	-	3.461.810.376	63.461.810.376
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.602.680.988	7.602.680.988
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	519.272.000	(519.272.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(519.272.000)	(519.272.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(69.236.000)	(69.236.000)
Chia cổ tức	-	-	(2.100.000.000)	(2.100.000.000)
Lợi nhuận còn lại tạm kết chuyển khoản phải trả khác	-	-	(254.030.376)	(254.030.376)
Số dư cuối năm trước	<u>60.000.000.000</u>	<u>519.272.000</u>	<u>7.602.680.988</u>	<u>68.121.952.988</u>
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	519.272.000	7.602.680.988	68.121.952.988
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	-	1.140.402.000	(1.140.402.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	(1.140.402.000)	(1.140.402.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	(152.054.000)	(152.054.000)
Chi cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(5.169.000.000)	(5.169.000.000)
Hoàn nhập lợi nhuận giữ lại năm trước	-	-	254.030.376	254.030.376
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	7.013.999.108	7.013.999.108

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	1.659.674.000	7.268.852.472	68.928.526.472

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	37.041.000.000	37.041.000.000
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhàn	15.113.000.000	15.113.000.000
Các cổ đông khác	7.846.000.000	7.846.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 VND.

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 27 tháng 4 năm 2017 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 5.169.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế)	: 1.140.402.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (17% lợi nhuận sau thuế)	: 1.292.456.000

20. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	500.824.425	1.478.469.904
Nguồn kinh phí được cấp	43.948.463.966	32.154.382.814
Nhận tài trợ hội hoa xuân	10.100.000	-
Chi sự nghiệp	(44.448.685.384)	(33.131.989.293)
Chi phí thay thế cây xanh	(12.000)	(39.000)
Số cuối năm	10.691.007	500.824.425

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ của Công ty là tài sản cố định phục vụ công cộng bao gồm: hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, tổng tài sản giữ hộ có nguyên giá là 228.205.943.184 VND, giá trị còn lại 37.172.263.535 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu vệ sinh môi trường	99.111.010.982	90.478.578.496
Doanh thu duy trì chăm sóc cây xanh	16.662.035.727	16.923.598.000
Doanh thu quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	15.775.143.122	14.279.855.406
Doanh thu duy trì điện chiếu sáng công cộng	10.693.299.545	9.805.789.000
Doanh thu bãi chôn lấp rác Lương Hòa	11.835.790.000	11.228.083.636
Doanh thu môi trường Phước Long + Vĩnh Hiệp	6.458.591.663	5.895.671.839
Doanh thu bảo vệ bờ biển, nhà vệ sinh ngầm	2.480.000.000	2.288.000.000
Doanh thu vệ sinh môi trường (tự quản)	1.824.296.365	2.001.170.009
Doanh thu xử lý nước rỉ rác Lương Hoà	1.040.180.000	902.939.091
Doanh thu kinh doanh dịch vụ khác	4.388.447.480	3.526.669.010
Cộng	<u>170.268.794.884</u>	<u>157.330.354.487</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	1.250.000	45.009.000
Cộng	<u>1.250.000</u>	<u>45.009.000</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vệ sinh môi trường		

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	87.331.238.260	80.754.042.484
Giá vốn duy trì chăm sóc cây xanh	15.406.068.684	15.618.686.530
Giá vốn quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	12.943.006.788	12.048.490.006
Giá vốn duy trì điện chiếu sáng công cộng	9.516.811.474	8.587.584.354
Giá vốn bãi chôn lấp rác Lương Hòa	10.730.362.114	8.646.088.562
Giá vốn môi trường Phước Long + Vĩnh Hiệp	5.335.075.155	4.526.409.001
Giá vốn bảo vệ bờ biển, nhà vệ sinh ngầm	2.621.422.050	2.470.771.054
Giá vốn vệ sinh môi trường (tự quản)	1.766.528.330	1.849.033.762
Giá vốn xử lý nước rỉ rác Lương Hoà	2.439.448.096	2.346.868.328
Giá vốn kinh doanh dịch vụ khác	3.493.470.638	1.581.488.160
Cộng	<u>151.583.431.589</u>	<u>138.429.462.241</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	520.552.025	101.470.587
Cộng	<u>520.552.025</u>	<u>101.470.587</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	219.193.493	240.854.293
Cộng	<u>219.193.493</u>	<u>240.854.293</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.796.369.973	5.843.599.665
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	258.378.217	349.063.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	451.656.205	513.816.408
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	146.258.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.966.966.421	1.265.726.468
Các chi phí khác		

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	1.262.557.188	792.606.519
Cộng	<u>9.882.186.004</u>	<u>8.764.812.226</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ đền bù tài sản, đền bù giải tỏa	295.029.538	259.711.867
Thanh lý công cụ, dụng cụ	29.149.091	42.627.909
Các khoản thu nhập khác	18.130.182	36.311.729
Cộng	<u>342.308.811</u>	<u>338.651.505</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao các tài sản cố định không dùng chờ thanh lý	402.076.812	402.076.812
Thuế bị phạt, bị truy thu	23.710.735	23.417.149
Chi phí bồi thường, đền bù	57.906.740	136.545.700
Các chi phí khác	41.918.629	64.438.587
Cộng	<u>525.612.916</u>	<u>626.478.248</u>
9. Lãi trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.013.999.108	7.602.680.988
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(1.052.099.866)	(1.140.402.000)
Trích thưởng Ban điều hành ⁽ⁱ⁾	(140.279.982)	(152.054.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.821.619.260	6.310.224.988
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (ii)	<u>970</u>	<u>1.052</u>
9b. Thông tin khác		

- (i) Khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thưởng Ban điều hành năm nay được dự tính theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 27 tháng 4 năm 2017 thông qua. Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 15% và quỹ thưởng Ban điều hành là 2% lợi nhuận sau thuế năm 2017.
- (ii) Lãi trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thưởng Ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.267 VND xuống còn 1.052 VND.
- Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.920.379.118	18.753.999.972
Chi phí nhân công	99.584.134.302	100.415.685.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.568.124.700	8.637.322.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.757.541.521	16.097.756.865
Chi phí khác	15.833.267.624	4.408.432.748
Cộng	<u>167.663.447.265</u>	<u>148.313.197.742</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên ban điều hành bao gồm có lương, thưởng, thù lao với tổng số chi trong năm là 1.122.000.000 VND (năm trước là 1.078.115.152 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông nắm giữ 61,74% vốn điều lệ.
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân	Cổ đông nắm giữ 25,19% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		
Chuyển lợi nhuận còn lại giai đoạn cổ phần hóa	4.116.905.148	-
Chuyển trả tiền thừa giai đoạn cổ phần hóa	-	4.118.671.170
Các khoản kinh phí hỗ trợ và khen thưởng	568.680.000	521.000.000
Công ty chi cổ tức 2016	3.191.082.150	-
Chuyển trả tiền phân bón	153.133.000	-
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân		
Công ty chi cổ tức 2016	1.301.984.950	-
Công ty chi cổ tức 2015	-	528.955.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.15a và V.15b.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.121.483.018	-	-	-	44.121.483.018
Phải thu khách hàng	22.588.410.260	-	-	146.258.000	22.734.668.260
Các khoản phải thu khác	23.022.662	-	-	-	23.022.662
Cộng	66.732.915.940	-	-	146.258.000	66.879.173.940
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.160.908.503	-	-	-	48.160.908.503
Phải thu khách hàng	29.693.776.000	-	-	-	29.693.776.000
Các khoản phải thu	1.630.297.994	-	-	-	1.630.297.994

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
khác					
Cộng	79.484.982.497	-	-	-	79.484.982.497

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	4.799.033.63			4.799.033.63
	6	-	-	6
Vay và nợ thuê tài chính	313.394.724	1.253.578.89	1.566.973.61	3.133.947.23
	6	6	9	9
Các khoản phải trả khác	6.851.108.58	3.088.233.91		9.939.342.49
	5	4	-	9
Cộng	11.963.536.9	4.341.812.81	1.566.973.61	17.872.323.3
	45	0	9	74
Số đầu năm				
Phải trả người bán	3.673.642.92			3.673.642.92
	5	-	-	5
Vay và nợ thuê tài chính	313.394.724	1.253.578.89	1.880.368.34	3.447.341.96
	6	6	3	3
Các khoản phải trả khác	6.595.403.82			6.595.403.82
	7	-	-	7
Cộng	10.582.441.4	1.253.578.89	1.880.368.34	13.716.388.7
	76	6	3	15

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016.

4. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.121.483.018	-	48.160.908.503	-	44.121.483.018	48.160.908.503
Phải thu khách hàng	22.734.668.260	(146.258.000)	29.693.776.000	-	22.588.410.260	29.693.776.000
Các khoản phải thu khác	23.022.662	-	1.630.297.994	-	23.022.662	1.630.297.994
Cộng	66.879.173.940	(146.258.000)	79.484.982.497	-	66.732.915.940	79.484.982.497

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	4.799.033.636	3.673.642.925	4.799.033.636	3.673.642.925
Vay và nợ thuê tài chính	3.133.947.239	3.447.341.963	3.133.947.239	3.447.341.963
Các khoản phải trả khác	9.939.342.499	6.595.403.827	9.939.342.499	6.595.403.827
Cộng	17.872.323.374	13.716.388.715	17.872.323.374	13.716.388.715

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn

tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

5. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



HỒ NGỌC AN

